

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1986/BNV-TCBC

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2025

V/v báo cáo kết quả thực hiện Nghị định
số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định
số 67/2025/NĐ-CP

Kính gửi:

- Các Ban Đảng ở Trung ương;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tỉnh ủy, thành ủy, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025; để chuẩn bị nội dung của Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình, kết quả thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, đề nghị Quý Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị báo cáo số liệu về việc thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ theo biểu mẫu đến thời điểm 30/4/2025 và dự kiến số lượng người thực hiện chế độ, chính sách nêu trên đến 31/12/2025.

Số liệu Báo cáo của các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị (kèm file) đề nghị gửi về Bộ Nội vụ **trước ngày 10/5/2025** để tổng hợp, làm căn cứ cho việc chủ động nguồn kinh phí năm 2025 báo cáo Chính phủ để bảo đảm nguồn lực đáp ứng việc giải quyết chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

Bộ Nội vụ đề nghị Quý Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị quan tâm, thực hiện đúng yêu cầu và thời hạn nêu trên. *ch*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng;
- TTr. Vũ Chiến Thắng;
- Lưu: VT, TCBC.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Thị Thanh Trà

**BIỂU MẪU SỐ LIỆU**

(Kèm theo Công văn số 198/BNV-TCBC ngày 02 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nội vụ)

1. Kết quả thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (Thời điểm chốt số liệu đến: 30/4/2025)

STT	Đối tượng	Số người hưởng chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP			Kinh phí chi trả theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (1.000 đồng)		
		Tổng số	Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	Tổng số kinh phí chi trả	Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc
1	Cán bộ từ cấp huyện trở lên						
2	Công chức						
3	Viên chức						
4	Cán bộ, công chức, cấp xã						
5	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15/01/2019 và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chính sách như công chức						
6	Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam;						
7	Sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương, công nhân công an và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Công an nhân dân;						
8	Người làm việc trong tổ chức cơ yếu						
9	Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế tại các Hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ						
10	Cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm hoặc đủ điều kiện về tuổi tái						

	cử, tái bổ nhiệm theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP được hưởng chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP						
11	Tổng số						

2. Dự kiến số lượng người tiếp tục được áp dụng chính sách để thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (Dự kiến đến thời điểm chốt số liệu đến: 31/12/2025)

STT	Đối tượng	Số người hưởng chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP)			Dự kiến kinh phí chi trả theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP (1.000 đồng)		
		Tổng số	Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc	Tổng số kinh phí dự kiến chi trả	Nghỉ hưu trước tuổi	Nghỉ thôi việc
1	Cán bộ từ cấp huyện trở lên						
2	Công chức						
3	Viên chức						
4	Cán bộ, công chức, cấp xã						
5	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15/01/2019 và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chính sách như công chức						
6	Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam;						
7	Sĩ quan, hạ sĩ quan hưởng lương, công nhân công an và lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc Công an nhân dân;						
8	Người làm việc trong tổ chức cơ yếu						
9	Người làm việc trong chỉ tiêu biên chế tại các Hội được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ						

10	Cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm hoặc đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP được hưởng chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP						
11	Tổng số						